

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 1636/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 về việc điều chỉnh điểm 1 khoản 5 Điều 1 Quyết định số 984/QĐ-TTg ngày 25/10/1999 phê duyệt Đề án quy hoạch tổng thể đầu tư phục hồi, bảo tồn, tôn tạo và phát huy Khu di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến "Chiến khu Việt Bắc".

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ Văn hóa - Thông tin (Công văn số 2158/VHTT-KH ngày 15/6/2001 và Công văn số 4951/VHTT-KH ngày 20/11/2001), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 5157/BKH-LĐVX ngày 01/8/2001),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh điểm 1 khoản 5 Điều 1 Quyết định số 984/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, Lạng Sơn là Người có thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án thành phần của nhóm dự án về di tích, nhóm dự án về trưng bày bổ sung tại di tích và bảo tồn cảnh quan di tích thuộc Khu di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến "Chiến khu Việt Bắc".

Theo tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân mỗi tỉnh nêu trên có thể giao cho Ban Quản lý di tích

sẵn có của tỉnh, hoặc thành lập Ban Quản lý các dự án đầu tư di tích làm chức năng Chủ đầu tư các dự án di tích thành phần thuộc tỉnh quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, Lạng Sơn; Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch, Thủ trưởng các Bộ, ngành khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 1637/QĐ-TTg ngày 31/12/2001 về việc cấp một số loại báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-TƯ ngày 17 tháng 11 năm 1989 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa VI về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi;

Căn cứ Quyết định số 72/HĐBT ngày 13 tháng 3 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về một số chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi;

19658876

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
LawSoft

Căn cứ Chỉ thị số 39/1998/CT-TTg ngày 03 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh công tác văn hóa - thông tin ở miền núi và vùng đồng bào các dân tộc thiểu số;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nhà nước cấp (không thu tiền) một số loại báo, tạp chí nhằm tăng cường công tác thông tin phục vụ sự nghiệp phát triển chính trị, kinh tế, xã hội ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều 2. Các loại báo, tạp chí và phạm vi, đối tượng phát hành theo quy định của Điều 1 Quyết định này như sau:

1. Chuyên đề Nhi đồng "Dân tộc thiểu số và miền núi" của báo Nhi đồng (cơ quan của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh):

Cấp cho các trường tiểu học các xã miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo; các trường dân tộc nội trú bậc tiểu học của các tỉnh miền núi, vùng dân tộc thiểu số, mỗi số: 1 tờ/lớp.

2. Chuyên đề Thiếu niên Tiên phong "Dân tộc thiểu số và miền núi" của báo Thiếu niên Tiên phong (cơ quan của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh):

Cấp cho các trường phổ thông trung học cơ sở thuộc các xã miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo; các trường dân tộc nội trú bậc trung học cơ sở của các tỉnh miền núi, vùng dân tộc thiểu số, mỗi số: 1 tờ/lớp.

3. Bản tin - ảnh "Dân tộc thiểu số và miền núi" của Thông tấn xã Việt Nam:

Cấp cho vùng miền núi và dân tộc thiểu số, mỗi số: 3 tờ/Ủy ban nhân dân tỉnh, 3 tờ/Ủy ban nhân dân huyện, 1 tờ/Ủy ban nhân dân xã, 1 tờ/thôn, bản, 1 tờ/đồn biên phòng.

4. Chuyên đề "Dân tộc thiểu số và miền núi" của Thông tấn xã Việt Nam:

Cấp cho vùng miền núi và dân tộc thiểu số, mỗi số: 3 tờ/Ủy ban nhân dân tỉnh, 3 tờ/Ủy ban nhân dân huyện, 1 tờ/Ủy ban nhân dân xã, 1 tờ/đồn biên phòng.

5. Bảy chuyên đề "Dân tộc thiểu số và miền núi" của 7 báo: Nông nghiệp Việt Nam (cơ quan của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Nông thôn ngày nay (cơ quan của Hội Nông dân Việt Nam), Kinh tế VAC (cơ quan của Hội Làm vườn Việt Nam), Khoa học và đời sống (cơ quan của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam), Văn hóa (cơ quan của Bộ Văn hóa - Thông tin), Sức khỏe và đời sống (cơ quan của Bộ Y tế), Công nghiệp Việt Nam (cơ quan của Bộ Công nghiệp):

Cấp cho các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135, mỗi số: 1 tờ/Ủy ban nhân dân xã; cho vùng miền núi và dân tộc thiểu số: 1 tờ/Ủy ban nhân dân tỉnh, 1 tờ/Ban Dân tộc và Miền núi tỉnh, 1 tờ/Ủy ban nhân dân huyện, 1 tờ/đồn biên phòng.

6. Chuyên đề Văn nghệ "Dân tộc thiểu số và miền núi" của báo Văn nghệ (cơ quan của Hội Nhà văn Việt Nam), tạp chí Văn hóa các dân tộc (cơ quan của Hội Văn học - Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam), tạp chí Dân tộc và Miền núi (cơ quan của Ủy ban Dân tộc và Miền núi):

Cấp cho thư viện các trường dân tộc nội trú, mỗi số: 5 tờ/thư viện; cho vùng miền núi và dân tộc thiểu số: 2 tờ/thư viện tỉnh, 2 tờ/thư viện huyện, 1 tờ/đồn biên phòng.

7. Tạp chí Dân tộc học (cơ quan của Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia), tạp chí Dân tộc và thời đại (cơ quan của Hội Dân tộc học Việt Nam):

Cấp cho vùng miền núi và dân tộc thiểu số, mỗi số: 2 tờ/thư viện tỉnh, 2 tờ/thư viện huyện.

8. Báo Biên phòng (cơ quan của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng):

Cấp cho các xã miền núi, dân tộc thiểu số ở biên giới, mỗi số: 2 tờ/Ủy ban nhân dân xã.

Điều 3. Phân công trách nhiệm thực hiện.

1. Bộ Văn hóa - Thông tin:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra nội dung của các báo, tạp chí được cấp đáp ứng nhu cầu thông tin của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, phù hợp tôn chỉ, mục đích của từng loại báo, tạp chí.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển công tác báo chí phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Phối hợp hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc cấp và sử dụng báo, tạp chí đúng đối tượng, đạt hiệu quả.

2. Ủy ban Dân tộc và Miền núi:

a) Chủ trì đặt hàng với các cơ quan báo, tạp chí được cấp theo số lượng, đối tượng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc cấp và sử dụng báo, tạp chí đúng đối tượng, đạt hiệu quả.

c) Phối hợp hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra nội dung của các báo, tạp chí được cấp; xây dựng kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển công tác báo chí phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Bộ Tài chính:

a) Hàng năm, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương cho các báo, tạp chí thuộc đối tượng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Phối hợp hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra nội dung thông tin, việc cấp và sử dụng báo, tạp chí;

xây dựng kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển công tác báo chí phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra nội dung thông tin, việc cấp và sử dụng báo, tạp chí; xây dựng kế hoạch, cơ chế chính sách phát triển công tác báo chí phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Ban Vật giá Chính phủ:

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xác định chi phí xuất bản và phát hành của các báo, tạp chí được cấp.

6. Tổng cục Bưu điện:

Tổ chức thực hiện việc phát hành kịp thời, đúng địa chỉ các báo, tạp chí được cấp.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Xác định số lượng và danh mục cụ thể các trường, lớp thuộc đối tượng được cấp các chuyên đề "Dân tộc thiểu số và miền núi" của báo Nhi đồng và báo Thiếu niên Tiền phong.

8. Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam:

Phối hợp theo dõi, kiểm tra nội dung, việc cấp và sử dụng các chuyên đề "Dân tộc thiểu số và miền núi" của báo Nhi đồng và báo Thiếu niên Tiền phong.

9. Các cơ quan chủ quản của các báo, tạp chí được xác định tại Điều 2 Quyết định này:

Chỉ đạo, kiểm tra cơ quan báo chí thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm phù hợp về nội dung thông tin, cấp đúng đối tượng và phát huy hiệu quả trong sử dụng.

10. Các cơ quan báo, tạp chí được xác định tại Điều 2 Quyết định này:

a) Chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được

giao, đáp ứng nhu cầu thông tin của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của báo, tạp chí.

b) Phối hợp theo dõi, kiểm tra việc cấp và sử dụng báo, tạp chí đúng đối tượng, đạt hiệu quả.

11. Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Chịu trách nhiệm kiểm tra việc cấp báo, tạp chí; tổ chức phát huy hiệu quả sử dụng tại địa bàn.

b) Đóng góp ý kiến với các Bộ, ngành liên quan, các cơ quan báo chí trong việc cải tiến nội dung và hình thức báo chí được cấp.

Điều 4. Cơ chế tài chính đối với việc cấp một số loại báo, tạp chí.

1. Hàng năm, trên cơ sở báo cáo của Bộ Văn hóa - Thông tin đánh giá về nội dung thông tin; báo cáo của Ủy ban Dân tộc và Miền núi đánh giá về tình hình cấp và sử dụng báo chí, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Bưu điện, Ban Vật giá Chính phủ dự kiến mức kinh phí để thực hiện việc cấp một số loại báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo đúng quy định và bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Căn cứ mức kinh phí được duyệt, Ủy ban Dân tộc và Miền núi đặt hàng với các cơ quan báo, tạp chí được cấp theo số lượng, đối tượng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Kinh phí cho việc cấp một số loại báo, tạp chí được cân đối trong dự toán chi ngân sách Trung ương do Bộ Tài chính cấp trực tiếp cho các cơ quan báo chí để thực hiện.

Việc quản lý chi tiêu và quyết toán kinh phí cấp một số loại báo, tạp chí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và các văn bản pháp quy liên quan.

4. Riêng năm 2002, do việc chuẩn bị khẩn trương, nên giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Bưu điện, Ban Vật giá Chính phủ căn cứ Phụ lục kèm theo (về "Phạm vi, đối tượng, dự toán kinh phí cấp một số loại báo, tạp chí năm 2002") chuẩn xác lại phạm vi, đối tượng, mức kinh phí cấp cho từng báo, tạp chí theo Quyết định này; quy định thống nhất về hình thức các chuyên đề; để Ủy ban Dân tộc và Miền núi đặt hàng với các cơ quan báo chí cho năm 2002; Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai thực hiện theo dự toán kinh phí đã được duyệt do ngân sách trung ương bảo đảm.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế những quy định về cấp báo cho thiếu nhi ở những vùng nông thôn miền núi và Tây Nguyên, vùng xa và hải đảo tại Quyết định số 21/TTg ngày 16 tháng 1 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với việc phát hành sách, báo, phim ảnh cho thiếu nhi.

Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 6. Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Bưu điện, Ban Vật giá Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

Phụ lục

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, DỰ TOÁN KINH PHÍ CẤP
MỘT SỐ LOẠI BÁO, TẠP CHÍ NĂM 2002(ban hành kèm theo Quyết định số 1637/QĐ-TTg
ngày 31/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ).

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Tên báo, tạp chí,	Đối tượng nhận báo, tạp chí	Số lượng phát hành 1 năm	Dự toán kinh phí năm 2002
1	Tổng cộng Báo Nhi đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Các trường tiểu học thuộc các xã miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo (84.440 lớp), mỗi số 1 tờ/lớp. - Các trường dân tộc nội trú bậc tiểu học của các tỉnh miền núi, vùng dân tộc thiểu số (2.400 lớp), mỗi số 1 tờ/lớp; - Lưu chiếu, khác: 200 tờ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: $(84.440 \text{ tờ} + 2.400 \text{ tờ} + 200 \text{ tờ}) \times 22 \text{ số} = 1.914.880 \text{ tờ/năm}$. Giá tạm tính 2.000 đồng/tờ. KP: 3.830 triệu. - 2 số đặc biệt: $(84.440 \text{ tờ} + 2.400 \text{ tờ} + 200 \text{ tờ}) \times 2 \text{ số} = 174.080 \text{ tờ/năm}$. Giá tạm tính: 7.000 đồng/tờ, KP: 1.219 triệu. 	17.701 5.049
2	Báo Thiếu niên Tiên phong	<ul style="list-style-type: none"> - Các trường phổ thông trung học cơ sở thuộc các xã miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo (44.173 lớp), mỗi số 1 tờ/lớp. - Các trường dân tộc nội trú bậc trung học cơ sở của các tỉnh miền núi, vùng dân tộc thiểu số (tạm tính 1.200 lớp), mỗi số 1 tờ/lớp. - Lưu chiếu, khác: 200 tờ. 	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng: $45.573 \text{ tờ} \times 24 \text{ số} = 1.093.752 \text{ tờ/năm}$ Giá tạm tính: 4.500 đồng/tờ 	4.922
3	Thông tấn xã Việt Nam			
3.1	- Bản tin ảnh Dân tộc thiểu số và miền núi	<ul style="list-style-type: none"> - Các tỉnh miền núi, dân tộc thiểu số (49 tỉnh, mỗi số 3 tờ/tỉnh = 147 tờ), huyện (351 huyện, 3 tờ/huyện = 1.053 tờ), xã (5.309 xã, mỗi số 1 tờ/xã = 5.309 tờ), thôn (47.309 thôn, bản, mỗi số 1 tờ/thôn). - Đồn biên phòng (400 đồn, mỗi số 1 tờ/đồn). - Lưu chiếu, khác: 200 tờ. 	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng: 653.016 tờ/năm (54.418 tờ/số x 12 số) Giá tạm tính: 2.500 đồng/tờ 	1.633
3.2	- Chuyên đề Dân tộc thiểu số và miền núi của Thông tấn xã Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Các tỉnh miền núi, dân tộc thiểu số (49 tỉnh, mỗi số 3 tờ/tỉnh = 147 tờ), huyện (351 huyện, mỗi số 3 tờ/huyện = 1.053 tờ), xã (5.309 xã, mỗi số 1 tờ/xã = 5.309 tờ). - Đồn biên phòng (400 đồn, mỗi số 1 tờ/đồn). - Lưu chiếu, khác: 200 tờ. 	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng: $6.709 \text{ tờ/số} \times 12 \text{ số} = 80.508 \text{ tờ/năm}$ Giá tạm tính: 6.000 đồng/tờ 	483

09658876

4	7 chuyên đề "Dân tộc thiểu số và miền núi" của 7 báo	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân các xã thuộc Chương trình 135 (2.325 xã, mỗi số 1 tờ/xã). - Các tỉnh miền núi, dân tộc: <ul style="list-style-type: none"> + 38 Ban dân tộc, bộ phận làm công tác dân tộc (mỗi số 1 tờ/ban). + Tỉnh (49, mỗi số 1 tờ/tỉnh), huyện (351, mỗi số 1 tờ/huyện). - Đơn biên phòng (400 đơn, mỗi số 1 tờ/đơn). - Lưu chiếu, khác: 100 tờ. 	<p>Số lượng: 176.202 tờ/năm của 1 chuyên đề. (3.263 tờ/số x 54 số). Giá tạm tính 4.000 đồng/tờ.</p>	4.935
4.1	Báo Nông nghiệp Việt Nam			705
4.2	Báo Nông thôn ngày nay			705
4.3	Báo Kinh tế VAC			705
4.4	Báo Khoa học và Đời sống			705
4.5	Báo Văn hóa			705
4.6	Báo Sức khỏe và Đời sống			705
4.7	Báo Công nghiệp Việt Nam			705
5	Tạp chí Văn hóa các dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Thư viện các trường dân tộc nội trú (240 trường, mỗi số 5 tờ/trường = 1.200 tờ). - Thư viện tỉnh (49 tỉnh, mỗi số 2 tờ/tỉnh = 98 tờ), thư viện huyện (351 huyện, mỗi số 2 tờ/huyện = 702 tờ). - Đơn biên phòng (400 đơn, mỗi số 1 tờ/đơn). - Lưu chiếu, khác: 200 tờ. 	<p>Số lượng: 2.600 tờ/số x 12 số = 31.200 tờ/năm. Giá tạm tính: 5.000 đồng/tờ.</p>	156
6	Tạp chí Dân tộc và Miền núi	<ul style="list-style-type: none"> - Thư viện các trường dân tộc nội trú: (240 trường, mỗi số 5 tờ/trường = 1.200 tờ). - Thư viện tỉnh (49 tỉnh, mỗi số 2 tờ/tỉnh = 98 tờ), thư viện huyện (351 huyện, mỗi số 2 tờ/huyện = 702 tờ). - Đơn biên phòng (400 đơn, mỗi số 1 tờ/đơn). - Lưu chiếu, khác: 200 tờ. 	<p>Số lượng: 2.600 tờ/số x 12 số = 31.200 tờ/năm. Giá tạm tính: 4.500 đồng/tờ.</p>	140

7	Chuyên đề Văn nghệ Dân tộc thiểu số và Miền núi của Báo Văn nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Thư viện các trường dân tộc nội trú (240 trường, mỗi số 5 tờ/trường = 1.200 tờ). - Thư viện tỉnh (49 tỉnh, mỗi số 2 tờ/tỉnh = 98 tờ), thư viện huyện (351 huyện, mỗi số 2 tờ/huyện = 702 tờ). - Đơn biên phòng (400 đơn, mỗi số 1 tờ/đơn). - Lưu chiếu, khác: 200 tờ. 	Số lượng: 2.600 tờ/số x 12 số = 31.200 tờ/năm. Giá tạm tính: 5.000 đồng/tờ.	156
8	Tạp chí Dân tộc học	<ul style="list-style-type: none"> - Thư viện tỉnh (49 tỉnh, mỗi số 2 tờ/tỉnh = 98 tờ), thư viện huyện (351 huyện, mỗi số 2 tờ/huyện = 702 tờ). - Lưu chiếu, khác: 200 tờ. 	Số lượng: 1.000 tờ/số x 4 số = 4.000 tờ/năm. Giá tạm tính: 5.000 đồng/tờ.	20
9	Tạp chí Dân tộc và Thời đại	<ul style="list-style-type: none"> - Thư viện tỉnh (49 tỉnh, mỗi số 2 tờ/tỉnh = 98 tờ), thư viện huyện (351 huyện, mỗi số 2 tờ/huyện = 702 tờ). - Lưu chiếu, khác: 200 tờ. 	Số lượng: 1.000 tờ/số x 4 số = 4.000 tờ/năm. Giá tạm tính: 5.000 đồng/tờ.	20
10	Báo Biên phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân các xã miền núi, dân tộc thiểu số ở biên giới (718 xã, mỗi số 2 tờ/xã = 1436 tờ). 	Số lượng: 1.436 tờ/số x 52 số = 74.672 tờ/năm. Giá tạm tính: 2.500 đồng/tờ.	187

CÁC BỘ**LIÊN BỘ**

**BỘ TÀI CHÍNH - BỘ CÔNG NGHIỆP -
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**THÔNG TƯ liên tịch số 92/2001/ TTLT-
BTC-BCN-TCHQ ngày 20/11/2001
hướng dẫn thực hiện chính sách
ưu đãi thuế đối với sản xuất xe
hai bánh gắn máy và động cơ xe
hai bánh gắn máy.**

*Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ
tại Công văn số 938/CP-KTTH ngày 18/10/2001
về chính sách nội địa hóa xe hai bánh gắn máy;*

*Để thúc đẩy sản xuất các chi tiết, bộ phận xe
hai bánh gắn máy trong nước thay thế hàng nhập
khẩu, đồng thời tạo thuận lợi cho công tác quản
lý, liên Bộ Tài chính - Công nghiệp - Tổng cục Hải
quan hướng dẫn thực hiện chính sách ưu đãi thuế
đối với sản xuất xe hai bánh gắn máy và động cơ
xe hai bánh gắn máy như sau:*

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Các doanh nghiệp được thành lập theo quy
định của pháp luật Việt Nam có hoạt động sản
xuất, lắp ráp xe hai bánh gắn máy và động cơ
xe hai bánh gắn máy (kể cả các doanh nghiệp
có vốn đầu tư nước ngoài) thuộc đối tượng áp
dụng chính sách ưu đãi thuế quy định tại
Thông tư này.